



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông

Ngày 31/12/2024	12,350 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.9%	10.3%	6.7%

DT thuần Q4/24
0.68
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.06 -89.9%

LN thuần Q4/24
8.47
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.69 77.3%
YoY: ▼4.33 -33.8%

LN sau thuế Q4/24
8.41
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.75 80.4%
YoY: ▼4.29 -33.8%

Tỷ suất lãi EBIT 2024
1037%
YoY: +/-▲ 1000%

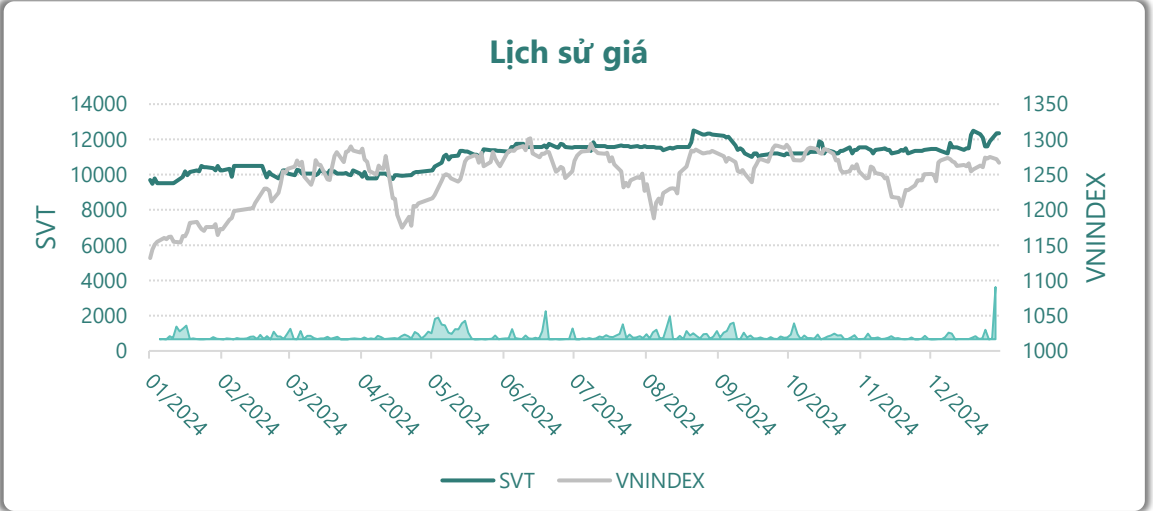
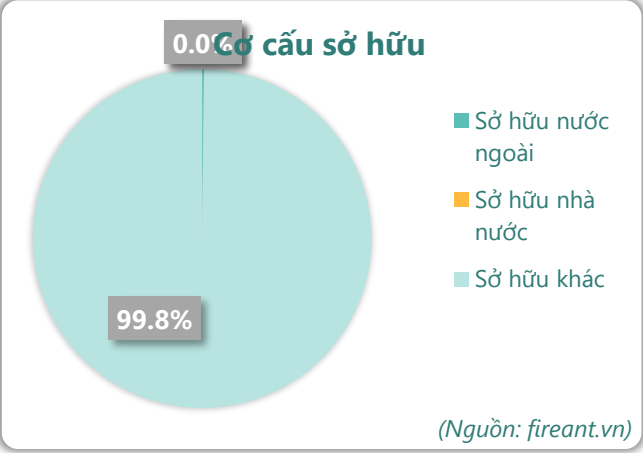
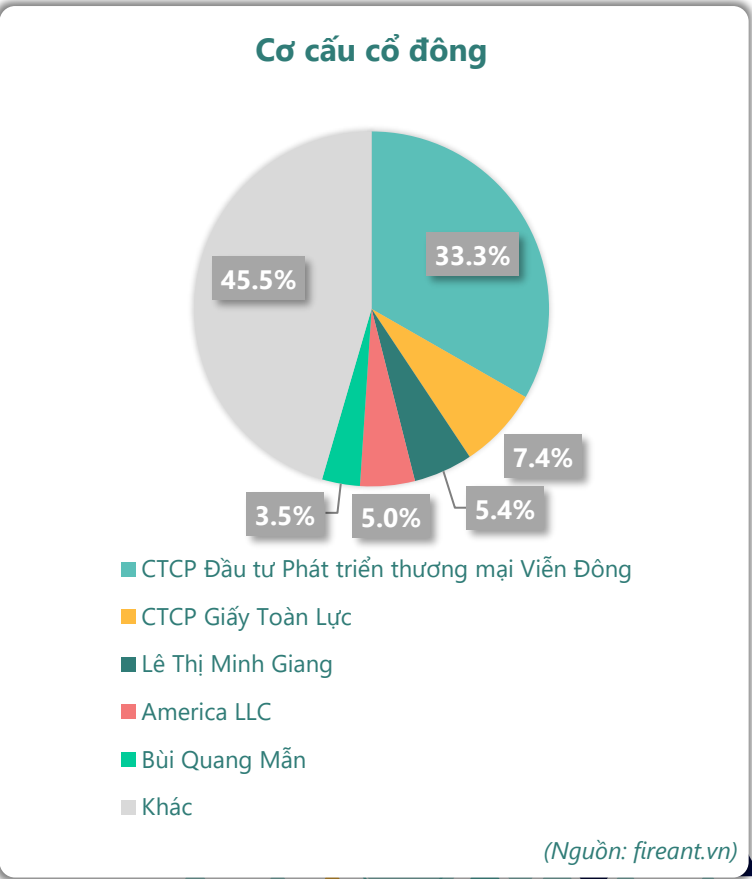
ROE 2024
11.8%
YoY: +/-▲ 0.2%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,480 - 12,506
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	214
Số lượng CPLH (CP)	17,310,978
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,205
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	(0.19)
EPS	1,593
P/E	7.8

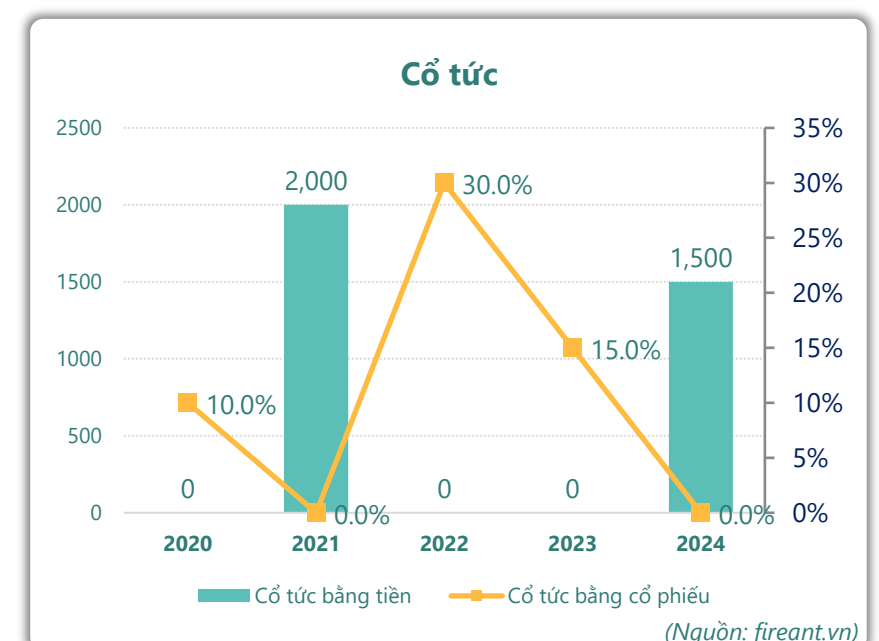
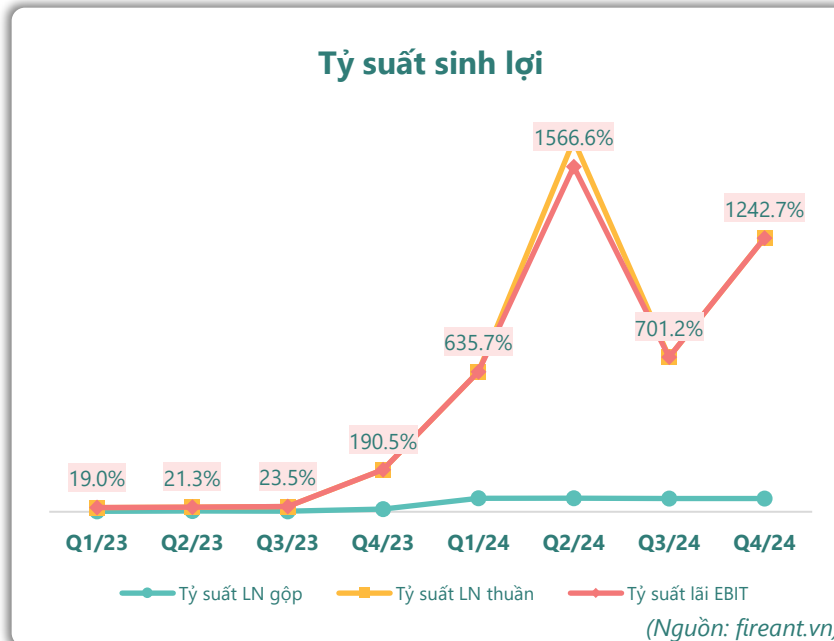
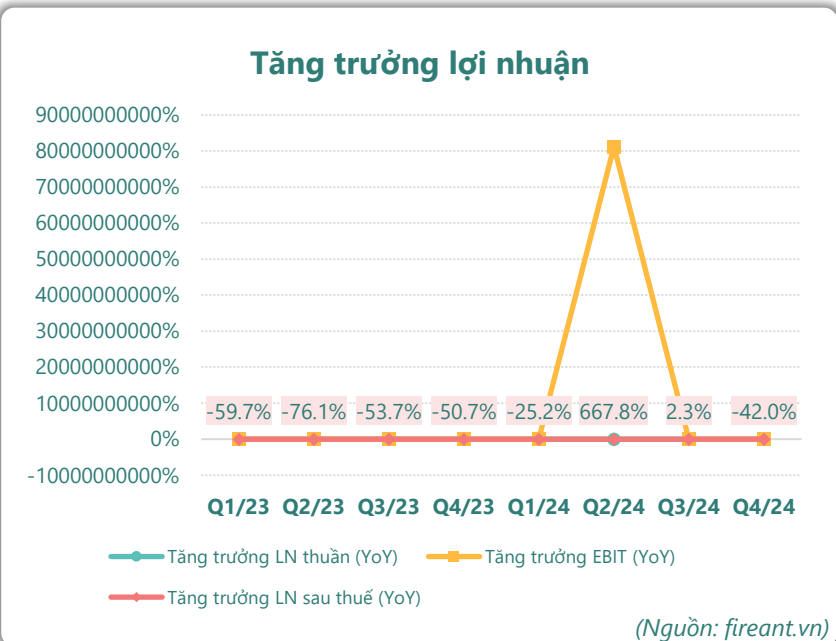
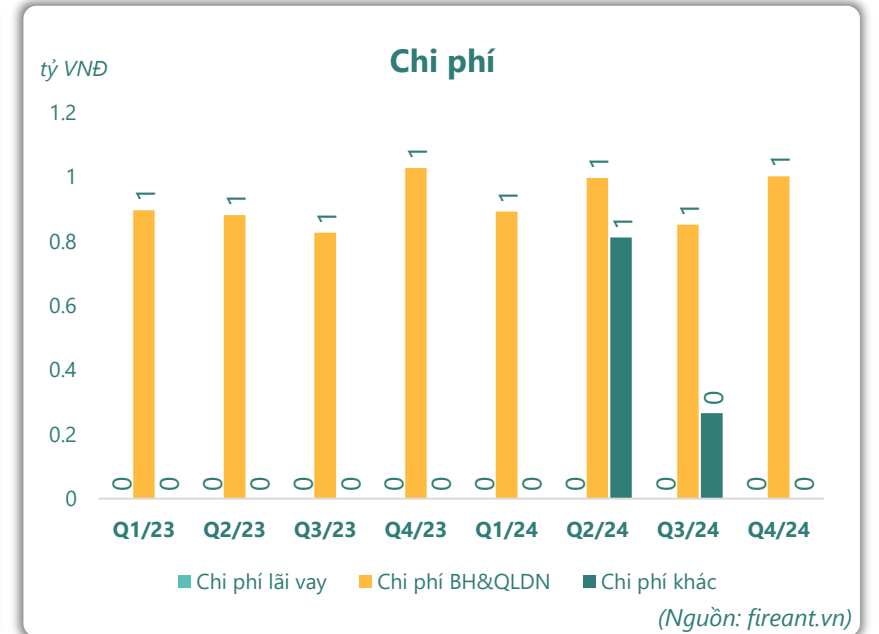
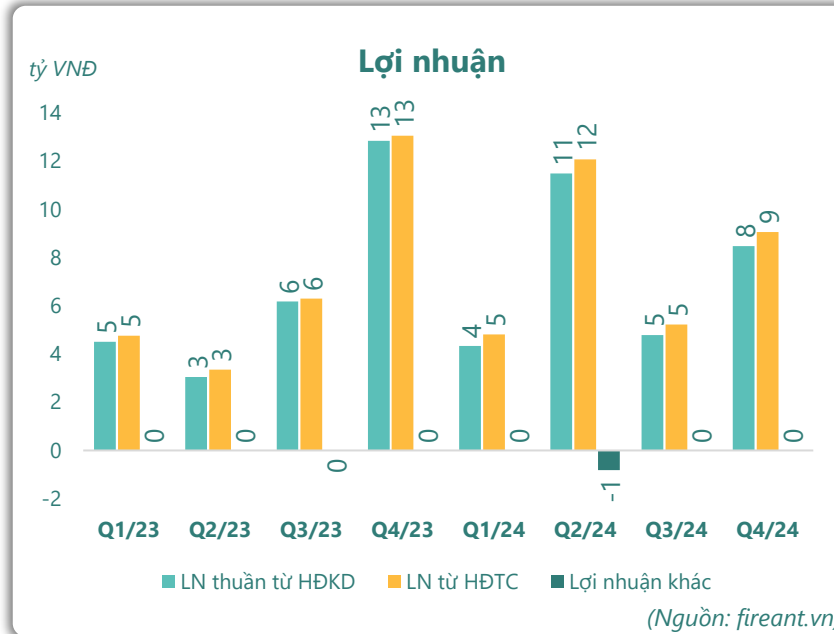
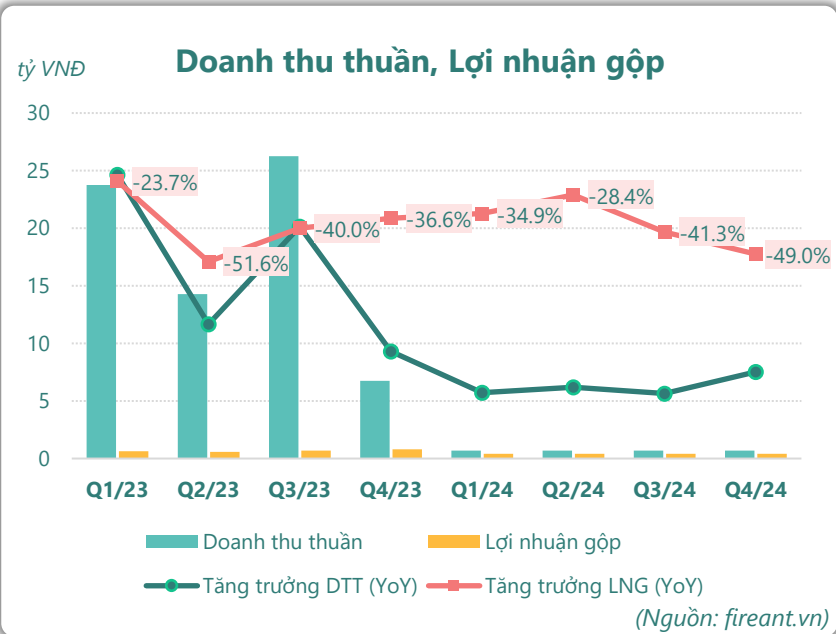
DT thuần 2024
2.73
tỷ VNĐ
YoY: ▼68.3 -96.2%

LN thuần 2024
29.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.50 9.4%

LN sau thuế 2024
27.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.10 8.0%



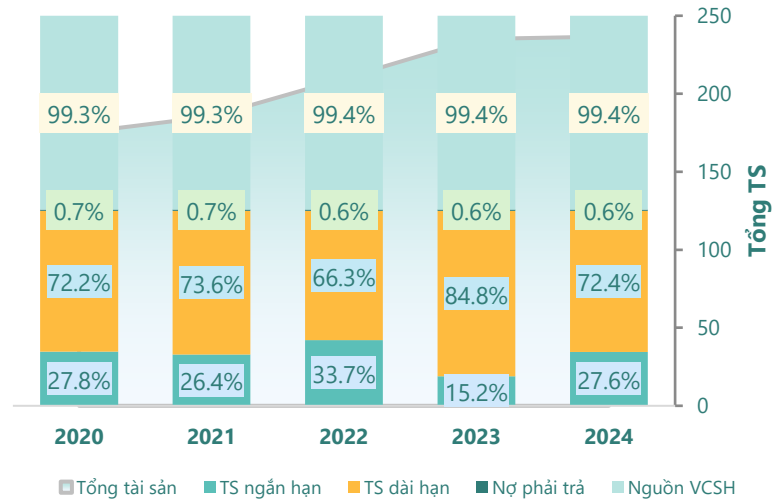
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

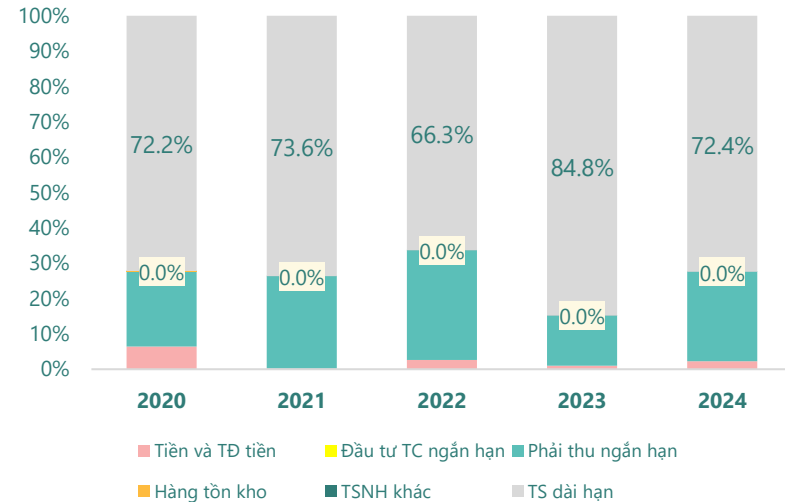
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

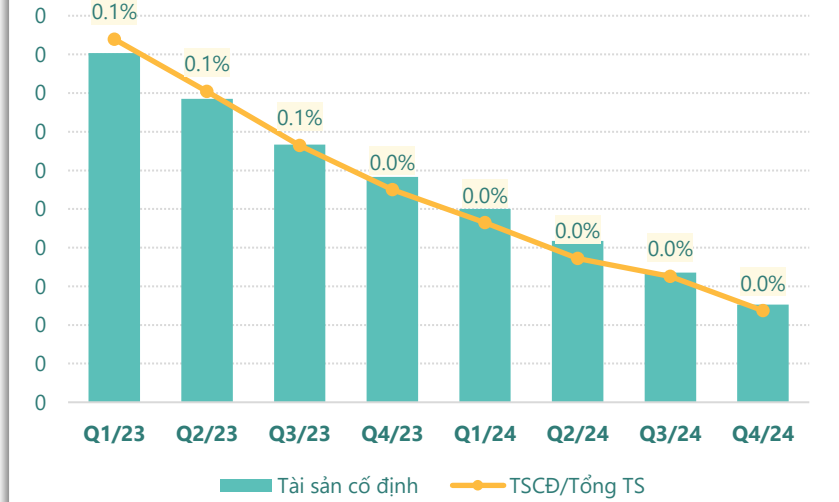
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

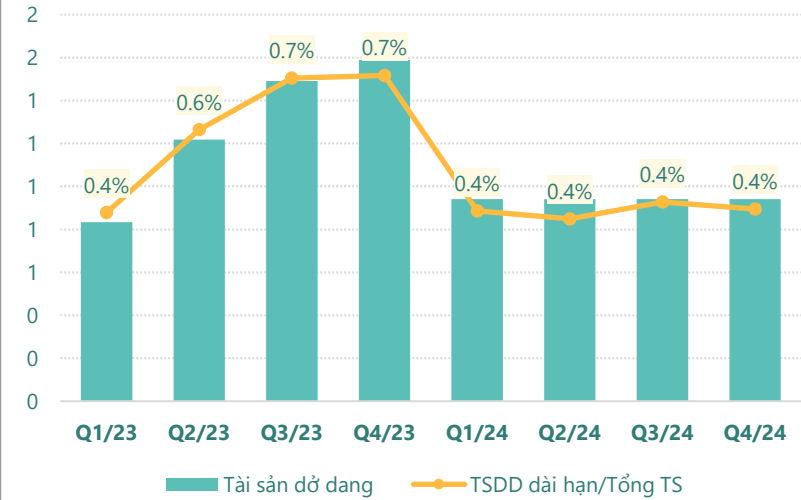
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

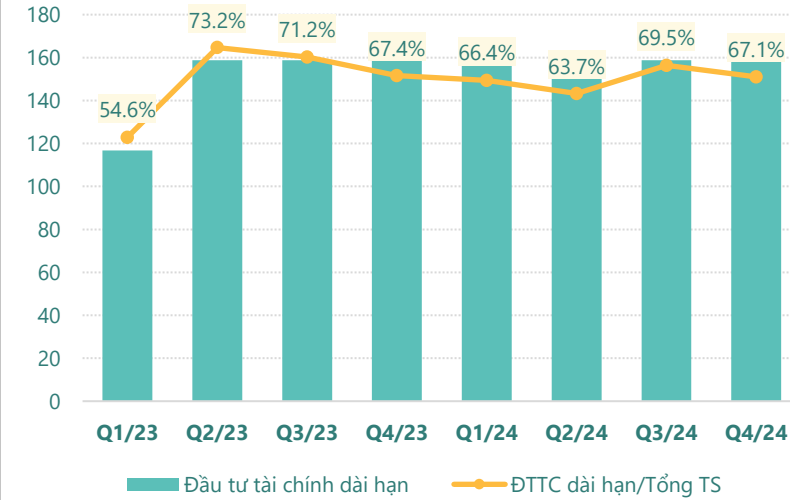
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

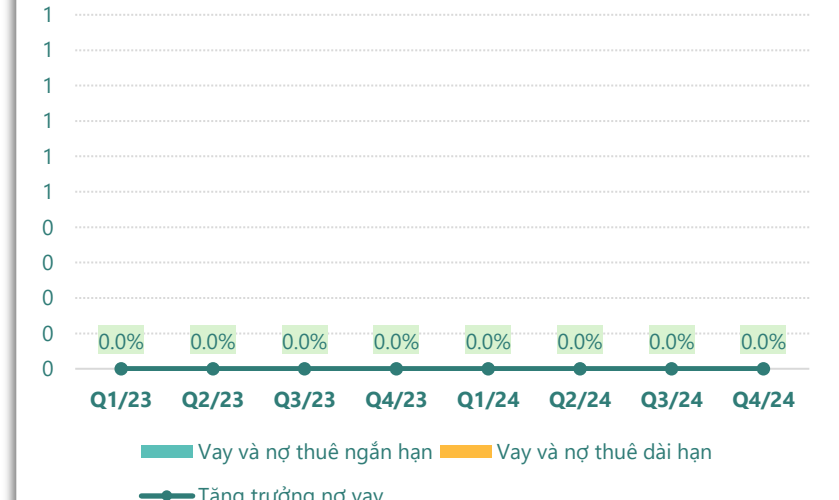
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

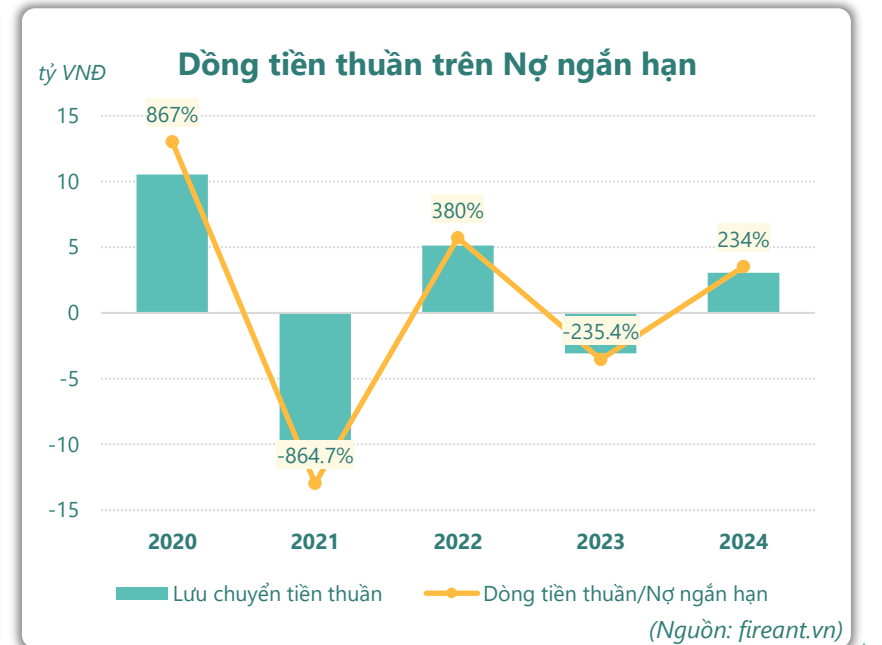
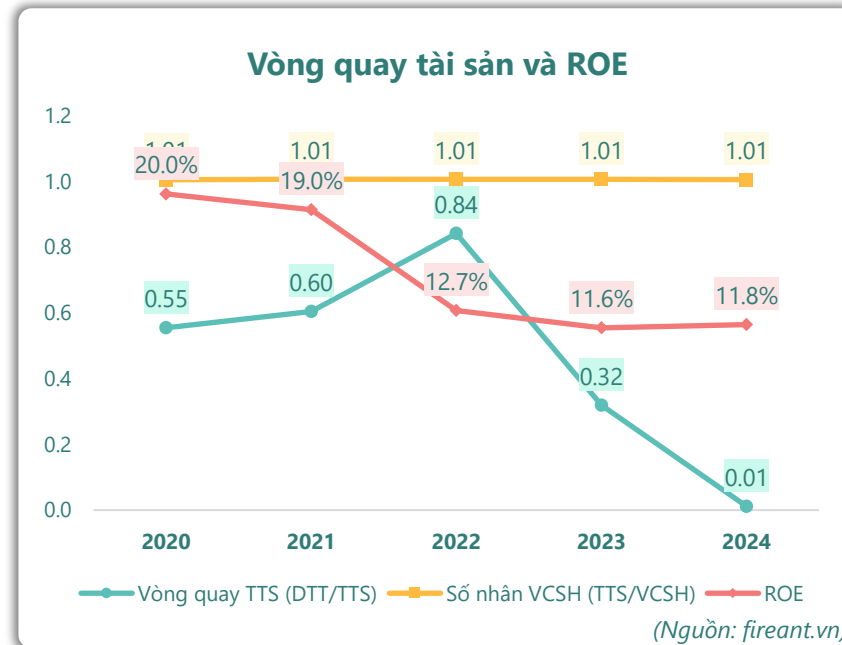
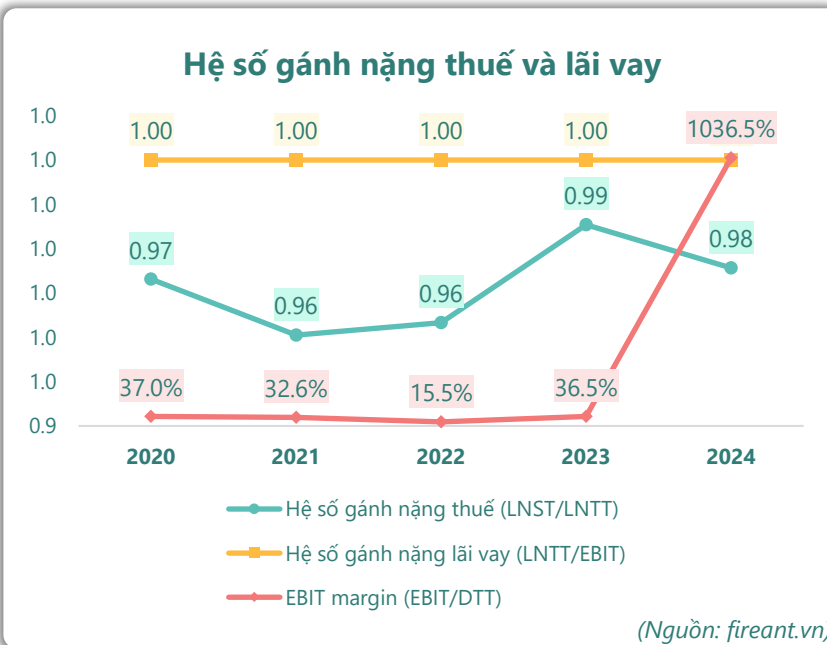
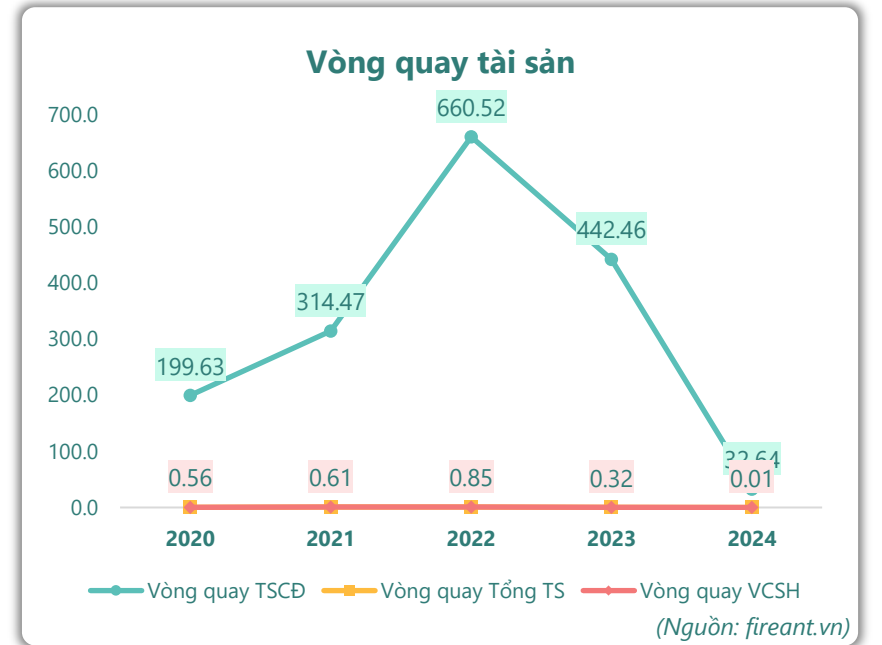
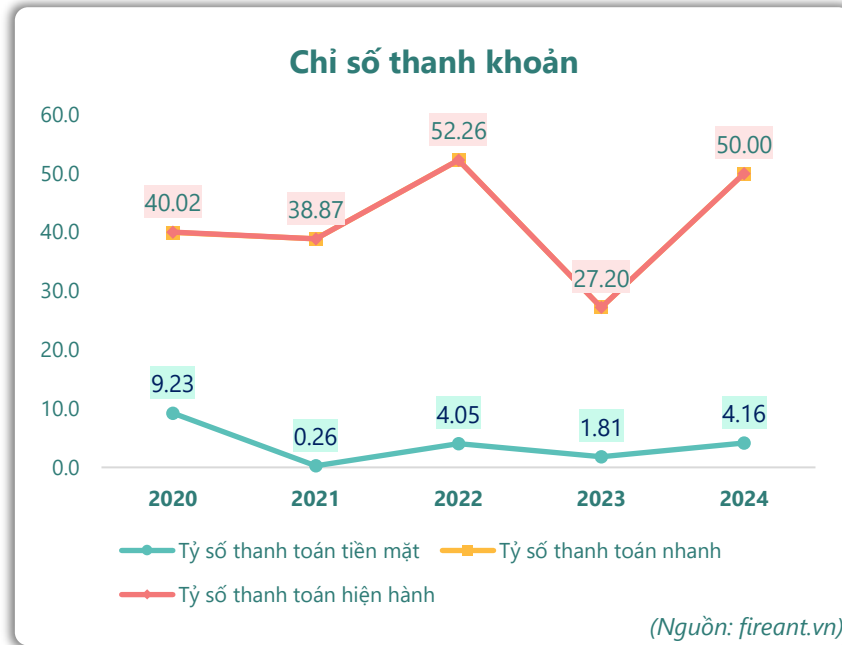
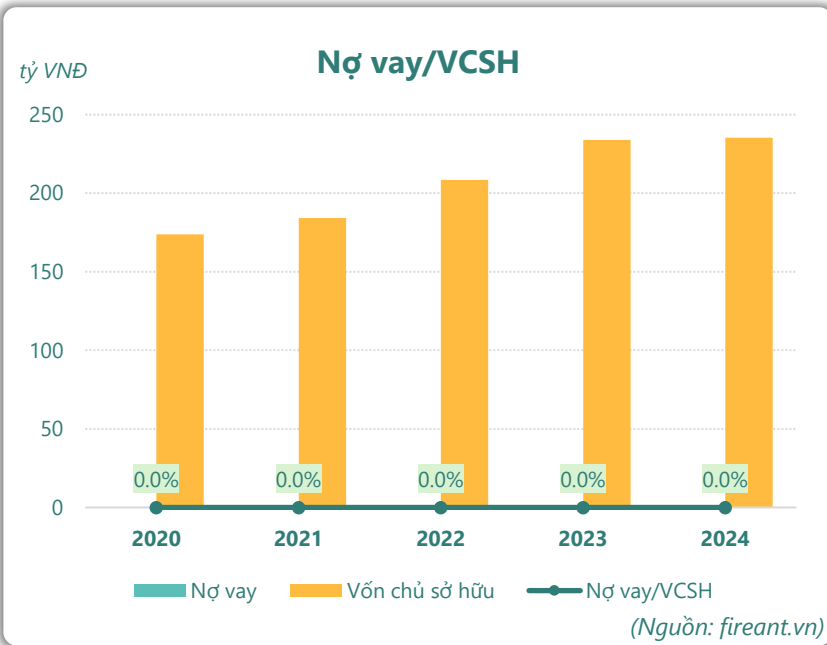
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0.68	6.74	-89.9%	2.73	71.0	-96.2%
Giá vốn hàng bán	0.27	5.93	-95.5%	1.07	68.3	-98.4%
Lợi nhuận gộp	0.41	0.81	-49.1%	1.66	2.73	-39.4%
Doanh thu HĐTC	9.06	13.1	-30.8%	31.2	27.5	13.4%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.08	-100%	0	0.23	-100%
Chi phí QLDN	1.00	0.95	5.5%	3.75	3.41	9.8%
LN thuần từ HĐKD	8.47	12.8	-33.8%	29.1	26.6	9.4%
Lợi nhuận khác	0	0.00		-0.81	-0.65	-25.2%
LN trước thuế	8.47	12.8	-33.8%	28.3	25.9	9.0%
Lợi nhuận sau thuế	8.41	12.7	-33.8%	27.6	25.5	8.0%
LNST của CĐ cty mẹ	8.41	12.7	-33.8%	27.6	25.5	8.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	10.8	-7.93	-1.22	5.15	1.07	-0.92
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.89	7.34	0.39	-1.64	21.3	4.94
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	-25.6	-0.33
Tiền đầu kỳ	1.08	2.97	2.38	1.55	5.06	1.75
Lưu chuyển tiền thuần	1.89	-0.59	-0.83	3.51	-3.30	3.68
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.97	2.38	1.55	5.06	1.75	5.43

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	237	235	0.6%
Tài sản ngắn hạn	65.4	35.7	83.1%
Tiền và tương đương tiền	5.43	2.38	129%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	59.9	33.3	79.8%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.00	0.00	-94.8%
Tài sản dài hạn	171	199	-14.1%
Phải thu dài hạn	0	27.0	-100%
Tài sản cố định	0.05	0.12	-56.7%
Bất động sản đầu tư	11.2	12.0	-7.1%
Tài sản dở dang	0.94	0.94	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	159	159	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.33	0.55	-41.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1.31	1.31	-0.4%
Nợ ngắn hạn	1.31	1.31	-0.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0.03	-100%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	235	234	0.6%
Vốn chủ sở hữu	235	234	0.6%
Vốn điều lệ	173	173	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

